

**HƯỚNG DẪN ÔN TẬP KIỂM TRA CUỐI KÌ I
MÔN GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT. KHỐI 12.
NĂM HỌC 2024-2025**

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ I

MÔN: GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT LỚP 12 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT

Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức				Tổng (câu)
		Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
Phần I: Trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn						
Chủ đề 1 Tăng trưởng và phát triển kinh tế	Bài 1: Tăng trưởng và phát triển kinh tế	2	1			3
Chủ đề 2: Hội nhập kinh tế quốc tế	Bài 2: Hội nhập kinh tế quốc tế	2	1			3
Chủ đề 3: Bảo hiểm và an sinh xã hội	Bài 3: Bảo hiểm	3	1	1TL		5
	Bài 4: An sinh xã hội	3	1			4
Chủ đề 4: Lập kế hoạch kinh doanh	Bài 5: Lập kế hoạch kinh doanh	2				2
Chủ đề 5: Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp	Bài 6: Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp	2	1			3
Chủ đề 6: Quản lý thu, chi trong gia đình	Bài 7: Quản lý thu, chi trong gia đình	2	1		1TL	4
Tổng phần I		16	6	1	1	24
Phần II: Trắc nghiệm lựa chọn Đúng – Sai						
Chủ đề 1: Tăng trưởng và phát triển kinh tế	Bài 1: Tăng trưởng và phát triển kinh tế	1a	1b	1c	1d	1
Chủ đề 3: Bảo hiểm và an sinh xã hội	Bài 3: Bảo hiểm	2a	2b	2c	2d	1
Tổng phần II						2
Phần III. Tự luận						
Bài 3: Bảo hiểm Bài 7: Quản lý thu chi trong gia đình				1 1		2

BẢNG ĐẠC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I

Nội dung	Đơn vị	Mức độ kiến thức, kỹ	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức	Tổng
----------	--------	----------------------	----------------------------------	------

kiến thức	kiến thức	năng đánh giá	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	số câu
Chủ đề 1: Tăng trưởng và phát triển kinh tế	Bài 1: Tăng trưởng và phát triển kinh tế	<ul style="list-style-type: none"> - Phân biệt được tăng trưởng và phát triển kinh tế. - Nêu được các chỉ tiêu của tăng trưởng và phát triển kinh tế. - Vai trò của tăng trưởng và phát triển kinh tế. 	2	1			3
Chủ đề 2: Hội nhập kinh tế quốc tế	Bài 2: Hội nhập kinh tế quốc tế	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được khái niệm hội nhập kinh tế quốc tế. - Hiểu được sự cần thiết của hội nhập kinh tế đối với mọi quốc gia. - Nêu được các hình thức hội nhập kinh tế quốc tế. 	2	1			1
Chủ đề 3: Bảo hiểm và an sinh xã hội	Bài 3: Bảo hiểm	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được khái niệm và vai trò của bảo hiểm - Giải thích được sự cần thiết của bảo hiểm. 	3	1	1TL		5
	Bài 4: An sinh xã hội	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được khái niệm và vai trò của an sinh xã hội - Giải thích được sự cần thiết của các chính sách an sinh xã hội 	3	1			4
Chủ đề 4: Lập kế hoạch kinh doanh	Bài 5: Lập kế hoạch kinh doanh	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được nội dung cơ bản của kế hoạch kinh doanh. - Giải thích được sự cần thiết phải lập kế hoạch kinh doanh. 	2				2
Chủ đề 5: Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp	Bài 6: Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được khái niệm trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp. - Liệt kê các hình thức thực hiện xã hội của doanh nghiệp. - Ý nghĩa việc thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp. 	2	1			3
Chủ đề 6: Quản lý thu, chi trong gia đình	Bài 7: Quản lý thu, chi trong gia đình	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được thế nào là quản lý thu, chi trong gia đình. - Giải thích được sự cần thiết phải thu chi trong gia đình. 	2	1		1TL	4

BÀI 1 : TĂNG TRƯỞNG VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ

1. TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ

a. Tăng trưởng kinh tế, Các chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế

Khái niệm: Tăng trưởng kinh tế là sự tăng lên về thu nhập hay tổng giá trị hàng hoá và dịch vụ mà nền kinh tế tạo ra trong một thời kì nhất định (so với thời kì gốc cần so sánh).

* Các chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế

***Tổng sản phẩm quốc nội (GDP):** GDP là giá trị bằng tiền của tất cả hàng hoá và dịch vụ cuối cùng được sản xuất ra trên lãnh thổ một nước trong một thời gian nhất định (thường là một năm).

=> GDP là thước đo đánh giá tốc độ tăng trưởng kinh tế của một quốc gia trong một thời điểm nhất định.

***Tổng sản phẩm quốc nội bình quân đầu người (GDP/người):** GDP bình quân đầu người được tính bằng cách chia tổng sản phẩm quốc nội GDP trong năm cho dân số trung bình của năm tương ứng.

=> GDP/người là thước đo mức sống người dân của một quốc gia; là một trong những căn cứ để tính chỉ số phát triển con người (HDI).

***Tổng thu nhập quốc dân (GNI):** - GNI là thước đo về thu nhập của nền kinh

-- GNI là thước đo về thu nhập của nền kinh

- Được tính bằng: +tổng thu nhập từ hàng hoá, dịch vụ cuối cùng do công dân của quốc gia đó tạo ra (trong và ngoài lãnh thổ).

+ trong một thời gian nhất định (thường là một năm).

***Tổng thu nhập quốc dân bình quân đầu người (GNI/người)**

-là thước đo trung bình mức thu nhập một người dân trong quốc gia thu được trong năm

-được tính bằng cách chia tổng thu nhập quốc dân trong năm cho dân số trung bình của năm tương ứng.

=>GNI/người dùng để đánh giá mức sống, phân hoá giàu nghèo, tính tỉ lệ nghèo nhằm hoạch định chính sách góp phần nâng cao mức sống, xoá đói, giảm nghèo.

b. Vai trò của tăng trưởng kinh tế

-Điều kiện cần thiết để khắc phục tình trạng đói nghèo lạc hậu

-Điều kiện để giải quyết việc làm, tăng thu nhập, nâng cao phúc lợi xã hội, phát triển văn hoá, giáo dục, thể thao

- Tiền đề vật chất để củng cố an ninh, quốc phòng

-Nâng cao vai trò quản lí của Nhà nước, vị thế của quốc gia.

-Điều kiện tiên quyết để khắc phục tình trạng tụt hậu đối với quốc gia đang phát triển như Việt Nam.

2. PHÁT TRIỂN KINH TẾ

a. Phát triển kinh tế và các chỉ tiêu phát triển kinh tế

* **Khái niệm:** - sự tăng trưởng kinh tế

- chuyển dịch cơ cấu kinh tế

- đảm bảo tiến bộ xã hội.

* **Các chỉ tiêu phát triển kinh tế**

- tăng trưởng kinh tế: ***Tổng sản phẩm quốc nội (GDP)**

***Tổng sản phẩm quốc nội bình quân đầu người (GDP/người)**

***Tổng thu nhập quốc dân (GNI)**

***Tổng thu nhập quốc dân bình quân đầu người (GNI/người)**

Mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển kinh tế

- **Tăng trưởng kinh tế:** là điều kiện tiền đề cho phát triển kinh tế

-**Phát triển kinh tế:** Phạm vi rộng lớn, toàn diện hơn bao hàm cả tăng trưởng kinh tế lẫn chuyển dịch cơ cấu kinh tế và tiến bộ xã hội hướng tới mục tiêu tiến bộ xã hội, đem lại cuộc sống ấm no, hạnh phúc cho nhân dân.

=>quan hệ mật thiết với nhau

b. Vai trò của phát triển kinh tế

+ **Đảm bảo tiền đề vật chất cho phát triển:**

+ **Nâng cao trình độ phát triển, tạo đà phát triển nhanh, vững chắc cho nền kinh tế**

+ **Đảm bảo tiến bộ xã hội:**

+**Điều kiện tiên quyết để khắc phục tình trạng tụt hậu**

3. Mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển bền vững

a. Khái niệm phát triển bền vững

Phát triển bền vững là quá trình phát triển có sự kết hợp chặt chẽ, hợp lý và hài hoà giữa ba mặt của sự phát triển (phát triển kinh tế, phát triển xã hội, bảo vệ môi trường)

BÀI 2. HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ

1. Khái niệm và sự cần thiết hội nhập kinh tế quốc tế.

a. Khái niệm hội nhập kinh tế quốc tế:

Hội nhập kinh tế quốc tế là quá trình một quốc gia thực hiện gắn kết nền kinh tế của mình với nền kinh tế các quốc gia khác trong khu vực và trên thế giới dựa trên sự chia sẻ lợi ích, đồng thời tuân thủ các chuẩn mực quốc tế chung

b. Sự cần thiết của hội nhập kinh tế quốc tế

- Trong điều kiện toàn cầu hoá, hội nhập kinh tế quốc tế là tất yếu khách quan với mọi quốc gia. Hội nhập kinh tế quốc tế tạo ra cơ hội để mỗi quốc gia mở rộng thị trường, thu hút vốn đầu tư, chuyển dịch cơ cấu theo hướng hiện đại, thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế; tạo nhiều việc làm và nâng cao thu nhập cho các tầng lớp dân cư.

- Đối với các nước đang phát triển như Việt Nam, hội nhập kinh tế quốc tế tạo cơ hội tiếp cận và sử dụng các nguồn lực bên ngoài như tài chính, khoa học công nghệ, kinh nghiệm quản lý,... tận dụng thời cơ phát triển rút ngắn, thu hẹp khoảng cách với các nước tiên tiến, khắc phục nguy cơ tụt hậu.

2. Các hình thức hội nhập kinh tế quốc tế

a. Các cấp độ hội nhập kinh tế quốc tế

+ **Hội nhập song phương:** Là sự liên kết, hợp tác giữa hai quốc gia góp phần thúc đẩy thương mại, liên kết đầu tư, đem lại lợi ích cho người dân, doanh nghiệp hai nước, được thực hiện thông qua các hiệp định thương mại tự do, đầu tư trực tiếp nước ngoài

Đặc điểm: dễ đạt được những thoả thuận và nghĩa vụ, ưu đãi phù hợp vì chỉ áp dụng cho hai quốc gia kí kết. Việt Nam đã mở rộng quan hệ hợp tác song phương với hơn một trăm quốc gia trên thế giới, xây dựng và nâng cấp quan hệ đối tác chiến lược, đối tác chiến lược toàn diện với 17 nước, giúp bảo đảm, củng cố môi trường hoà bình, ổn định, tranh thủ lợi thế của các đối tác để bảo vệ, phát triển đất nước nhanh và bền vững.

+ **Hội nhập kinh tế khu vực:**

+ Đặc điểm: Là quá trình liên kết, hợp tác giữa các quốc gia trong một khu vực trên cơ sở tương đồng về địa lý, văn hoá, xã hội hoặc có chung mục tiêu, lợi ích phát triển

Hình thức: Thông qua các Tổ chức kinh tế khu vực, các Diễn đàn hợp tác kinh tế khu vực, Hiệp định đối tác kinh tế,... Việt Nam đã chủ động tham gia các hình thức hội nhập kinh tế khu vực như: Cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC), Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á – Thái Bình Dương (APEC), Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – Liên minh châu Âu,...

+ Ưu điểm: Hình thức này giúp quốc gia hợp tác kinh tế sâu rộng và toàn diện với các nước trong khu vực và thế giới, mở rộng thị trường, thu hút vốn đầu tư nước ngoài nhiều hơn

+ **Hội nhập kinh tế toàn cầu:** + Đặc điểm: Là quá trình liên kết, gắn kết giữa các quốc gia, vùng lãnh thổ với nhau thông qua việc tham gia các tổ chức kinh tế toàn cầu.

+ Hình thức: Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), Quỹ tiền tệ Quốc tế, Ngân hàng thế giới

+ Ưu điểm: Đây là hình thức hội nhập sâu rộng nhất của nền kinh tế quốc gia với nền kinh tế thế giới tạo thêm nhiều cơ hội để hợp tác với nhiều quốc gia, tổ chức, khu vực trên toàn thế giới, mở rộng quan hệ thương mại ra thị trường toàn cầu,....

b. Các hoạt động kinh tế quốc tế

- Hoạt động thương mại quốc tế: Là những hoạt động trao đổi hàng hoá, dịch vụ giữa các quốc gia thông qua xuất, nhập khẩu, thương mại quốc tế kích thích tiêu dùng, mở rộng sản xuất, chuyển giao công nghệ và đầu tư giữa các quốc gia, nhờ đó, tạo tiền đề cho tăng trưởng và phát triển kinh tế.

- Hoạt động đầu tư quốc tế: Là quá trình di chuyển vốn từ quốc gia này đến quốc gia khác nhằm đem lại lợi ích cho các bên tham gia, đầu tư quốc tế giúp tăng cường nguồn vốn, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại, tạo thêm việc làm, phát triển chất lượng nguồn nhân lực, tiếp thu khoa học công nghệ hiện đại, kinh nghiệm quản lý tiên tiến, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế,... cho nước tiếp nhận đầu tư như Việt Nam.

- Hoạt động dịch vụ thu ngoại tệ: Dịch vụ thu ngoại tệ bao gồm các dịch vụ quốc tế như du lịch, giao thông vận tải, thông tin liên lạc, bảo hiểm, xuất nhập khẩu lao động, thanh toán và tín dụng,... có vai trò tạo nguồn thu ngoại tệ giúp cải thiện cán cân thanh toán quốc tế.

3. Tìm hiểu đường lối, chính sách hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam

- Hội nhập kinh tế quốc tế là một chủ trương, chính sách lớn của Đảng và Nhà nước ta trong suốt quá trình đổi mới, phát triển đất nước. *Quan điểm định hướng là chủ động, tích cực hội nhập kinh tế quốc tế toàn diện, sâu rộng, sử dụng linh hoạt, hiệu quả nhiều hình thức hội nhập kinh tế quốc tế, đa phương hoá, đa dạng hoá quan hệ kinh tế quốc tế.*

- Một số chính sách nhằm thúc đẩy hội nhập kinh tế quốc tế: Đẩy mạnh hoàn thiện thể chế, cải cách hành chính; Cải thiện môi trường thu hút đầu tư nước ngoài; Gia tăng mức độ liên kết giữa các tỉnh, vùng, phát huy thế mạnh của từng địa phương, khuyến khích tạo điều kiện các địa phương chủ động tích cực hội nhập kinh tế quốc tế; Thực hiện hiệu quả các cam kết quốc tế....

*Trách nhiệm của công dân đối với chính sách hội nhập kinh tế quốc tế của Đảng và Nhà nước

- Thực hiện và tuyên truyền cho mọi người thực hiện tốt chính sách HNKTQT
- Ủng hộ những hành vi chấp hành chính sách HNKTQT.
- Phê phán những hành vi không chấp hành chính sách HNKTQT.

BÀI 3: BẢO HIỂM XÃ HỘI

1. Bảo hiểm và một số loại hình bảo hiểm

* **Bảo hiểm:** Là một dịch vụ tài chính thông qua đó người tham gia bảo hiểm sẽ đóng phí bảo hiểm cho bên cung cấp dịch vụ bảo hiểm để được hưởng bồi thường, chi trả bảo hiểm cho những thiệt hại mà người tham gia bảo hiểm hoặc người thứ ba phải gánh chịu khi rủi ro hay sự kiện bảo hiểm xảy ra.

* **Một số loại hình bảo hiểm:** bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm thương mại.

- Sơ đồ một số loại bảo hiểm thường có ở Việt Nam hiện nay.

1.1. BHXH

* K/n: Là sự bảo đảm thay thế hoặc bù đắp 1 phần thu nhập của người LĐ khi họ bị giảm hoặc mất thu nhập do ốm, đau, thai sản, tai nạn LĐ, bệnh nghề nghiệp, hết tuổi LĐ trên cơ sở đóng vào quỹ BHXH.

* Có 2 loại BHXH

- BHXH bắt buộc: Là loại hình BHXH do nhà nước tổ chức mà người LĐ và người sử dụng LĐ phải tham gia.

- Chế độ được hưởng: ốm đau, thai sản; tai nạn LĐ, bệnh nghề nghiệp; hưu trí; tử tuất

- BHXH tự nguyện: Là loại hình BHXH do nhà nước tổ chức mà người tham gia được lựa chọn mức đóng, phương thức đóng phù hợp với thu nhập của mình và NN có chính sách hỗ trợ tiền đóng BHXH.

- Chế độ được hưởng: hưu trí; tử tuất

1.2. BHYT

* K/n BHYT: Là loại hình BH thuộc lĩnh vực CSSK cộng đồng do NN thực hiện; theo đó, người tham gia BH sẽ được chi trả 1 phần hoặc toàn bộ chi phí thăm khám, điều trị, phục hồi SK nếu không may xảy ra tai nạn hoặc bệnh tật.

* Loại hình:

- **Bảo hiểm y tế bắt buộc** là hình thức bảo hiểm được áp dụng đối với các đối tượng theo Luật định để chăm sóc sức khỏe, không vì mục đích lợi nhuận do Nhà nước tổ chức thực hiện

- **Bảo hiểm y tế tự nguyện** là hình thức bảo hiểm do các công ty bảo hiểm cung cấp, áp dụng đối với những người không thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm y tế bắt buộc.

1.3. BH thất nghiệp

* k/n: Bảo hiểm thất nghiệp là chế độ bù đắp một phần thu nhập của người lao động khi bị mất việc làm, hỗ trợ người lao động học nghề, duy trì và tìm kiếm việc làm trên cơ sở đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp.

1.4. BH thương mại

- *Bảo hiểm thương mại* là hoạt động của tổ chức BH chấp nhận rủi ro của người được BH trên cơ sở bên mua BH đóng phí BH để tổ chức BH bồi thường, trả tiền BH khi xảy ra sự kiện BH theo thỏa thuận trong hợp đồng BH đc được 2 bên ký kết.

- Bảo hiểm thương mại gồm: BH tài sản; BH con người; BH trách nhiệm dân sự.

- Nguyên tắc hoạt động: số đông bù số ít, qua đó người BH cam kết bồi thường hoặc trả tiền BH cho bên được BH khi có sự kiện được BH xảy ra với điều kiện bên được BH cam kết trả một khoản tiền gọi là phí bảo hiểm.

2. vai trò của bảo hiểm

**Vai trò của bảo hiểm :*

+ *Đối với cá nhân: Mang lại sự ổn định và đảm bảo cuộc sống cho người được hưởng bảo hiểm. Khi gặp rủi ro sự cố thì người tham gia bảo hiểm sẽ nhận được hỗ trợ từ bảo hiểm để giảm bớt gánh nặng tài chính và duy trì mức sống tối thiểu.*

+ *Đối với doanh nghiệp: góp phần huy động vốn để phát triển kinh tế, tạo thêm việc làm cho thị trường lao động tạo sự an tâm cho xã hội.*

+ *Đối với quốc gia: Góp phần thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ cấp bách của chính phủ, thúc đẩy hội nhập hợp tác kinh tế quốc tế.*

**Ví dụ :*

+ *Người tham gia Bảo hiểm y tế khi khám chữa bệnh sẽ được chi trả một phần hoặc toàn bộ chi phí, giảm gánh nặng kinh tế đối với người bệnh và gia đình bệnh nhân; Bên cạnh đó tạo nguồn tài chính hỗ trợ cho hoạt động y tế, thực hiện công bằng và nhân đạo trong lĩnh vực bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân*

+ *Cá nhân và doanh nghiệp tham gia Bảo hiểm rủi ro tài sản: Trong đời sống thường nhật và kinh doanh sản xuất, vốn dĩ có nhiều rủi ro không thể lường trước như cháy nổ, hỏa hoạn, giông bão, lũ lụt, lốc xoáy, sự sơ sót trong sử dụng lửa, nồi áp suất, hàn xì trong sửa chữa... gây ra những tổn thất không hề nhỏ về con người lẫn của cải vật chất. Trong các trường hợp rủi ro trên, chủ thể tham gia bảo hiểm rủi ro được bồi thường cho doanh nghiệp khi xảy ra sự kiện bảo hiểm giúp cho các tổ chức bảo toàn được nguồn vốn, tài sản; đối với các cá nhân và gia đình có thể khắc phục được các khó khăn về tài chính và tránh rơi vào tình trạng kiệt quệ về cả tinh thần và vật chất; Huy động vốn đầu tư tăng trưởng kinh tế; Thu hút đầu tư nước ngoài, thúc đẩy hội nhập kinh tế; Ổn định ngân sách nhà nước; Đề phòng, hạn chế tổn thất cho kinh tế - xã hội; Tạo thêm việc làm cho thị trường lao động; Tạo sự an tâm cho xã hội...*

BÀI 4: AN SINH XÃ HỘI

1. AN SINH XÃ HỘI VÀ MỘT SỐ CHÍNH SÁCH AN SINH XÃ HỘI CƠ BẢN

a, khái niệm an sinh xã hội

là hệ thống các chính sách can thiệp của nhà nước và các lực lượng xã hội thực hiện nhằm giảm mức độ nghèo đói, nâng cao năng lực tự bảo vệ của người dân và xã hội trước những rủi ro hay nguy cơ giảm hoặc mất thu nhập, bảo đảm ổn định, phát triển và công bằng xã hội.

b, một số chính sách an sinh xã hội cơ bản và sự cần thiết của an sinh xã hội

**Một số chính sách an sinh xã hội cơ bản: chính sách hỗ trợ việc làm, chính sách về bảo hiểm, chính sách trợ giúp xã hội, chính sách bảo đảm các dịch vụ xã hội cơ bản.*

** Sự cần thiết của an sinh xã hội:*

- An sinh xã hội nhằm góp phần giảm thiểu tối đa mức độ nghèo đói, những tổn thương, rủi ro xã hội mà người dân gặp phải.

- An sinh xã hội có ý nghĩa quan trọng trong đời sống xã hội, chẳng hạn như: Đảm bảo các điều kiện sống và phát triển tốt nhất cho người dân, bao gồm an toàn, sức khỏe, giáo dục, lao động, thu nhập, chăm sóc xã hội và các quyền lợi khác; Giúp giảm bớt gánh nặng chi phí cho người dân trong các lĩnh vực như y tế, giáo dục, bảo hiểm, trợ cấp,... Thúc đẩy sự phát triển bền vững của xã hội, góp phần tăng cường nguồn lực, năng lực và năng suất lao động của các cá nhân và cộng đồng; Tạo ra môi trường sống an toàn, bình đẳng và công bằng cho người dân, thể hiện quyền cơ bản của con người, chủ nghĩa nhân đạo của Nhà nước và tinh thần đoàn kết của xã hội; Phòng ngừa và giảm thiểu các rủi ro và biến cố xã hội, như bệnh tật, tai nạn, thất nghiệp, thương tật, tuổi già, chết, thiên tai,...

2. vai trò của an sinh xã hội

Đối với đối tượng thụ hưởng chính sách an sinh xã hội

- Được hỗ trợ giải quyết việc làm
- Tăng thu nhập cho những người yếu thế
- Được cung cấp các dịch vụ xã hội cơ bản như y tế, giáo dục, nhà ở, thông tin....

Đối với sự phát triển kinh tế - xã hội:

- Góp phần xóa đói giảm nghèo

- Giảm bất bình đẳng, thu hẹp chênh lệch giữa các vùng, các nhóm dân cư,
- Góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân.

Đối với Nhà nước

- Giúp nâng cao hiệu quả quản lý xã hội.
- Giải quyết tốt các vấn đề xã hội.
- Giữ vững ổn định chính trị, xã hội và củng cố QP-AN.

BÀI 5. LẬP KẾ HOẠCH KINH DOANH

1. Kế hoạch kinh doanh và sự cần thiết của lập kế hoạch kinh doanh.

- Kế hoạch kinh doanh là một bản trình bày ý tưởng kinh doanh và cách thức hiện thực hoá ý tưởng đó của người kinh doanh.

- Kế hoạch kinh doanh bao gồm: định hướng tương lai, mục tiêu và chiến lược phát triển kinh doanh trong một khoảng thời gian nhất định giúp chủ thể kinh doanh xác định được những nhiệm vụ cụ thể cùng những khó khăn, thách thức để chủ động tìm ra phương cách vượt qua, đảm bảo thực hiện thành công những mục tiêu đã đặt ra.

2. Nội dung cơ bản của kế hoạch kinh doanh

Xác định được định hướng, ý tưởng kinh doanh.

Xác định mục tiêu kinh doanh.

Phân tích các điều kiện thực hiện ý tưởng kinh doanh: thuận lợi, khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

3. Các bước lập kế hoạch kinh doanh

- Bước 1: Xác định định hướng, ý tưởng kinh doanh.
- Bước 2: Xác định mục tiêu kinh doanh.
- Bước 3: Phân tích các điều kiện thực hiện ý tưởng kinh doanh.
- Bước 4: Xác định chiến lược kinh doanh, chi tiết các hoạt động và kế hoạch thực hiện các hoạt động kinh doanh.
- Bước 5: Đánh giá cơ hội kinh doanh, rủi ro tiềm ẩn và biện pháp xử lý.

BÀI 6. TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI CỦA DOANH NGHIỆP

1. KHÁI NIỆM, HÌNH THỨC THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI CỦA DOANH NGHIỆP

- Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp là toàn bộ trách nhiệm bắt buộc và tự nguyện mà doanh nghiệp thực hiện đối với xã hội bằng những chính sách và việc làm cụ thể, mang lại những ảnh hưởng tích cực đến xã hội, cộng đồng, đóng góp cho việc thực hiện các mục tiêu xã hội và sự phát triển bền vững quốc gia.

- Trách nhiệm xã hội được thực hiện qua một số hình thức cơ bản sau:

+ **Trách nhiệm kinh tế:** tiết kiệm chi phí, đạt doanh thu, lợi nhuận cao, đảm bảo việc làm cho người lao động, cung ứng nhiều sản phẩm chất lượng, an toàn cho khách hàng,...

+ **Trách nhiệm pháp lý:** tuân thủ pháp luật kinh doanh; thực hiện nghiêm nghĩa vụ nộp thuế;...

+ **Trách nhiệm đạo đức:** thực hiện tốt đạo đức kinh doanh; làm điều đúng, chính đáng, công bằng; tránh gây hại cho con người, xã hội và môi trường,...

+ **Trách nhiệm nhân văn:** tham gia các hoạt động cộng đồng, thiện nguyện, nhân đạo, đóng góp các nguồn lực cho cộng đồng,...

2. Ý nghĩa của việc thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp

+ *Đối với doanh nghiệp:* Thực hiện trách nhiệm xã hội mang đến nhiều lợi ích cho doanh nghiệp như: góp phần nâng cao chất lượng, giá trị thương hiệu và uy tín của doanh nghiệp, tạo dựng niềm tin đối với công chúng, tăng lợi thế cạnh tranh cho doanh nghiệp, nhờ đó giúp gia tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp.

+ *Đối với xã hội:* Thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp góp phần thúc đẩy sự phát triển bền vững của đất nước, hỗ trợ giải quyết những khó khăn, thách thức của cộng đồng và xã hội; góp phần bảo vệ môi trường.

BÀI 7. QUẢN LÝ CHI TIÊU TRONG GIA ĐÌNH

1. QUẢN LÝ THU, CHI VÀ SỰ CẦN THIẾT PHẢI QUẢN LÝ THU, CHI TRONG GIA ĐÌNH

Khái niệm: Quản lý thu, chi là việc quản lý các khoản thu nhập, chi tiêu nhằm đáp ứng nhu cầu vật chất, tinh thần cho các thành viên trong gia đình và phù hợp với thu nhập của gia đình.

Sự cần thiết phải quản lý thu, chi trong gia đình

- Kiểm soát được các nguồn thu trong gia đình.
- Theo dõi và điều chỉnh những thói quen chi tiêu không tích cực để đạt được các mục tiêu tài chính trong gia đình.
- Chủ động thực hiện kế hoạch tài chính của gia đình.
- Giúp cân bằng tài chính, chủ động ứng phó với các tình huống rủi ro có thể xảy ra trong gia đình.
- Nâng cao chất lượng cuộc sống gia đình.

2. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH QUẢN LÝ THU, CHI TRONG GIA ĐÌNH

Bước 1. Thảo luận để xác định mục tiêu tài chính trong gia đình:

Bước 2. Xác định các nguồn thu nhập trong gia đình:

Bước 3. Thống nhất các khoản chi thiết yếu và không thiết yếu trong gia đình

Bước 4. Thống nhất tỉ lệ phân chia các khoản chi thiết yếu, không thiết yếu và tiết kiệm trong gia đình

Bước 5. Thực hiện các khoản thu, chi theo kế hoạch

ĐỀ KIỂM TRA THAM KHẢO CUỐI KỲ 1 LỚP 12

PHẦN TRẮC NGHIỆM (7 điểm)

Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 24. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1: Chính sách an sinh xã hội **không** có vai trò nào dưới đây đối với đối tượng được hưởng?

- A. Phòng ngừa biến cố.
- B. Ngăn ngừa rủi ro.
- C. Khắc phục rủi ro.
- D. Quản lý xã hội.

Câu 2: Để thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội về giải quyết việc làm, Nhà nước khuyến khích các doanh nghiệp

- A. tạo ra nhiều sản phẩm.
- B. tạo ra nhiều việc làm mới.
- C. bảo vệ người lao động.
- D. tăng thu nhập cho người lao động.

Câu 3: Trong hệ thống chính sách an sinh xã hội ở nước ta hiện nay, một trong những chính sách dịch vụ xã hội cơ bản là dịch vụ

- A. việc làm tối thiểu.
- B. thu nhập tối đa.
- C. y tế tối thiểu.
- D. bảo hiểm tối thiểu.

Câu 4: Nội dung nào dưới đây **không** thể hiện mục tiêu của chính sách an sinh xã hội về giải quyết việc làm, bảo đảm thu nhập và giảm nghèo bền vững?

- A. Giảm tỷ lệ hộ giàu trong xã hội.
- B. Cải thiện cuộc sống hộ nghèo.
- C. Xóa bỏ khoảng cách giàu nghèo.
- D. Giảm tỷ lệ người thất nghiệp.

Câu 5: Một trong những vai trò của an sinh xã hội là góp phần giúp các đối tượng được hưởng chính sách an sinh xã hội có thể chủ động, ngăn ngừa và giảm bớt

- A. phạm tội.
- B. rủi ro.
- C. quyền lợi.
- D. lợi nhuận.

Câu 6: Việc làm nào dưới đây góp phần thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội về vấn đề giải quyết việc làm?

- A. Chia đều các nguồn thu nhập.
- B. Đẩy mạnh xuất khẩu lao động.
- C. Chấp hành quy tắc công cộng.
- D. Bảo trợ hoạt động truyền thông.

Câu 7: Một trong những mục tiêu của chính sách an sinh xã hội về bảo hiểm nhằm giúp người dân

- A. xóa đói giảm nghèo.
- B. xóa bỏ nhà tạm.
- C. phòng ngừa rủi ro.
- D. phòng ngừa thất nghiệp.

Câu 8: Đối với đối tượng được hưởng chính sách an sinh xã hội, việc thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội đem lại lợi ích nào dưới đây?

- A. Hưởng thu nhập vô điều kiện
- B. Được hoàn trả lại lợi ích đã mất.
- C. Khắc phục và giảm thiểu rủi ro.
- D. Được hỗ trợ miễn phí trọn đời.

Câu 9: Đối với sự phát triển kinh tế - xã hội, việc thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội sẽ góp phần

- A. thúc đẩy sự phân hóa giàu nghèo.
- B. thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.
- C. thúc đẩy tình trạng thất nghiệp.
- D. thúc đẩy tình trạng lạm phát.

Câu 10: Hệ thống các chính sách can thiệp của Nhà nước và các lực lượng xã hội thực hiện nhằm giảm mức độ nghèo đói, nâng cao năng lực tự bảo vệ của người dân và xã hội trước những rủi ro hay

nguy cơ giảm hoặc mất thu nhập, bảo đảm ổn định, phát triển và công bằng xã hội là nội dung của khái niệm nào dưới đây?

- A. An sinh xã hội.
- B. Bảo hiểm xã hội.
- C. Chất lượng cuộc sống.
- D. Thượng tầng xã hội.

Câu 11: Một trong những mục tiêu của việc thực hiện chính sách trợ giúp xã hội là nhằm giúp các đối tượng yếu thế trong xã hội có thể

- A. ổn định cuộc sống.
- B. mặc cảm và tự ti.
- C. từ bỏ cuộc sống.
- D. gia tăng giàu nghèo.

Câu 12: Việc làm nào dưới đây góp phần thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội về vấn đề giải quyết việc làm?

- A. Chia đều lợi nhuận khu vực.
- B. Hưởng chế độ phụ cấp khu vực.
- C. Xóa bỏ định kiến về giới.
- D. Phát triển sản xuất và dịch vụ.

Câu 13: Việc các chủ thể kinh tế xác định các vấn đề như kinh doanh mặt hàng gì, đối tượng khách hàng là ai, họ có nhu cầu gì là thực hiện nội dung nào dưới đây của việc lập kế hoạch kinh doanh?

- A. Xác định mục tiêu kinh doanh.
- B. Xác định chiến lược kinh doanh.
- C. Xác định ý tưởng kinh doanh.
- D. Xác định điều kiện thực hiện.

Câu 14: Khi lập kế hoạch kinh doanh, các chủ thể cần thực hiện bước nào dưới đây?

- A. Xác định ý tưởng kinh doanh.
- B. Xác định thời gian hoàn thành.
- C. Xác định mức lợi nhuận đạt được.
- D. Xác định chủ thể sẽ đỡ đầu.

Câu 15: Để quá trình kinh doanh diễn ra hiệu quả, kế hoạch kinh doanh của các chủ thể cần xác định được

- A. số thuế phải đóng.
- B. ý tưởng kinh doanh.
- C. số tiền sẽ thu lợi.
- D. thời gian thành công.

Câu 16: Khi các chủ thể đặt ra những kế hoạch và mục tiêu cụ thể sẽ đạt được khi tiến hành kinh doanh là đã thực hiện nội dung nào dưới đây của lập kế hoạch kinh doanh?

- A. Xác định điều kiện thực hiện.
- B. Xác định ý tưởng kinh doanh.
- C. Xác định chiến lược kinh doanh.
- D. Xác định mục tiêu kinh doanh.

Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi 17, 18

Tính chung thời kì thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế xã hội 10 năm (2011 - 2020), tăng trưởng GDP của Việt Nam đạt khoảng 5,9%/năm, thuộc nhóm các nước tăng trưởng cao trong khu vực. Quy mô GDP tăng gấp 2,4 lần, từ 116 tỉ USD năm 2010 lên 268,4 tỉ USD vào năm 2020. GDP bình quân đầu người tăng từ 1.331 USD năm 2010 lên khoảng 2.750 USD năm 2020. Về hoạt động kinh tế đối ngoại với việc ký kết và thực thi Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) và Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu (EVFTA), Việt Nam đã cơ bản hoàn thành những mục tiêu quan trọng nhất trong Chiến lược đàm phán hiệp định thương mại tự do giai đoạn 2010 - 2020. Tỷ lệ hộ nghèo cả nước giảm nhanh, từ 14,2% năm 2010 xuống còn 7% năm 2015 (theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011 - 2015) và giảm từ 9,2% năm 2016 xuống dưới 3% vào năm 2020 (theo chuẩn nghèo đa chiều). Thực hiện nhiều giải pháp tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người lao động. Hệ thống các chính sách xã hội và dịch vụ xã hội ngày càng được củng cố và tăng cường, người dân không chỉ là chủ thể của phát triển kinh tế còn là chủ thể thụ hưởng các chính sách an sinh xã hội của nhà nước.

Câu 17: Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) được ký kết giữa Việt Nam và các đối tác là biểu hiện của hình thức hợp tác

- A. Song phương.
- B. Đa phương.
- C. Toàn cầu.
- D. Khu vực.

Câu 18: Nội dung nào dưới đây **không** thể hiện sự tác động tích cực của phát triển kinh tế đến việc thực hiện chính sách an sinh xã hội ở nước ta?

- A. Tỷ lệ hộ nghèo trong cả nước giảm.
- B. Tạo nhiều việc làm giảm thất nghiệp.
- C. Các dịch vụ xã hội phát huy hiệu quả.
- D. Tăng trưởng thuộc nhóm cao trong khu vực.

Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi 19, 20

Về kinh tế, từng bước thực hiện tăng trưởng xanh, phát triển năng lượng sạch; thực hiện sản xuất và tiêu dùng bền vững. Tăng trưởng kinh tế giai đoạn 2016 - 2020 đạt trung bình 7%/năm, nâng mức thu nhập bình quân đầu người hằng năm tính theo GDP tăng lên 3.200 - 3.500 USD (so với mức

2.100 USD năm 2015). Lạm phát giữ ở mức dưới 5%. Thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội; năm 2014 đã có 1,4 triệu người tham gia bảo hiểm xã hội, trên 8,5 triệu người tham gia bảo hiểm thất nghiệp, trên 72% dân số tham gia bảo hiểm y tế. Đời sống nhân dân được cải thiện. Thu nhập bình quân đầu người đạt 2.052 USD/người (2014). Tuổi thọ trung bình đạt 73,5 tuổi (2015). Hoàn thành nhiều mục tiêu Thiên niên kỷ.

Câu 19: Nguyên nhân cơ bản giúp Việt Nam có tiềm lực để thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội được đề cập trong thông tin trên bắt nguồn từ

- A. thực hiện tăng trưởng xanh.
- B. tiêu dùng dùng bền vững.
- C. thu nhập đầu người tăng.
- D. kinh tế có sự tăng trưởng

Câu 20: Nội dung nào dưới đây thể hiện mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với việc phát triển bền vững?

- A. Sản xuất và tiêu dùng bền vững.
- B. Đẩy nhanh tốc độ tăng GDP.
- C. Tăng thu nhập trên đầu người.
- D. Cắt giảm chính sách an sinh.

PHẦN II: Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1: Đọc đoạn thông tin sau:

Đọc đoạn thông tin sau:

Theo báo cáo của Chính phủ về việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, ước tính tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều năm 2023 còn 2,93%, giảm 1,1%; tỷ lệ hộ nghèo tại các huyện nghèo còn khoảng 33%, giảm 5,62%. Ước tính tỷ lệ hộ nghèo dân tộc thiểu số còn khoảng 17,82%, giảm 3,2%, đạt chỉ tiêu Quốc hội, Chính phủ giao và tỷ lệ hộ nghèo trên 74 huyện nghèo giảm từ 4%-5%.

- A. Chỉ số đói nghèo là một trong những căn cứ đánh giá tiến bộ xã hội
- B. Gia đình hộ nghèo thường có chất lượng cuộc sống ổn định.
- C. Tỷ lệ hộ nghèo tăng sẽ kìm hãm tốc độ tăng trưởng kinh tế.
- D. Để xóa đói giảm nghèo chỉ cần xóa nghèo cho đồng bào dân tộc thiểu số.

Câu 2: Chọn đúng hoặc sai trong mỗi ý a, b, c, d: Theo Bảo hiểm xã hội Việt Nam, năm 2023 cả nước có khoảng 18,26 triệu người tham gia bảo hiểm xã hội (đạt 39,25% lực lượng lao động trong độ tuổi trong đó khoảng 1,83 triệu người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện (đạt 3,92 lực lượng lao động trong độ tuổi).

Thông tin trên đề cập đến kết quả thực hiện chính sách xã hội nào dưới đây:

- A. Kết quả thực hiện chính sách giảm nghèo.
- B. Việc thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội góp phần hỗ trợ người dân phòng ngừa, giảm thiểu rủi ro khi bị giảm hoặc mất thu nhập do ốm đau, tai nạn là động, hết tuổi lao động,...
- C. Việc thực hiện chính sách lao động, việc làm.
- D. Chính sách bảo hiểm xã hội là trụ cột có chức năng phòng ngừa, từ đó gi phân đảm bảo

PHẦN TỰ LUẬN (2 điểm)

Câu 1: (1 điểm) Anh (chị) hãy giải thích sự cần thiết của bảo hiểm đối với con người.

Câu 2: (1 điểm) Anh (chị) hãy cho biết những thói quen chi tiêu không tích cực sẽ ảnh hưởng như thế nào đến đời sống gia đình.

---HẾT---